

Số: /BT/TT - CĐSQG

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

V/v hướng dẫn áp dụng, sử dụng  
các định mức, đơn giá, mức chi  
trong quản lý đầu tư ứng dụng CNTT  
sử dụng ngân sách nhà nước

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các bộ, ngành, địa phương trong việc quản lý, sử dụng kinh phí trong hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được hiệu quả, đúng theo các quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn, Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp các nội dung chi và hướng dẫn việc áp dụng, sử dụng các định mức, đơn giá, mức chi chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Trong quá trình triển khai, nếu tiếp tục phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, hướng dẫn theo thẩm quyền. Thông tin chi tiết liên hệ theo đầu mối: Đồng chí Lê Anh Tuấn - Cục Chuyển đổi số quốc gia, thư điện tử: [latuan@mic.gov.vn](mailto:latuan@mic.gov.vn); điện thoại: 0904.199.221.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Bộ TT&TT: Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Đơn vị chuyên trách về CNTT của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Sở TT&TT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, CĐSQG.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Huy Dũng**

**Phụ lục**  
**HƯỚNG DẪN NỘI DUNG CHI VÀ ÁP DỤNG, SỬ DỤNG CÁC**  
**ĐỊNH MỨC, ĐƠN GIÁ, MỨC CHI TRONG VIỆC LẬP VÀ QUẢN LÝ**  
**CHI PHÍ ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN PHỤC VỤ**  
**CHUYỂN ĐỔI SỐ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

*(Kèm theo Công văn số /BTTTT-CĐSQG ngày tháng năm 2023  
của Bộ Thông tin và Truyền thông)*

## **I. PHẠM VI HƯỚNG DẪN**

1. Văn bản này hướng dẫn nội dung chi và việc áp dụng, sử dụng các định mức, đơn giá, mức chi (gọi chung là định mức chi) do các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành làm căn cứ lập dự toán trong hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, phục vụ chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Nguồn vốn ngân sách nhà nước trong văn bản này bao gồm: Vốn đầu tư công và kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước. Trường hợp hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn khác, cơ quan lập dự toán xem xét, tham khảo, quyết định sử dụng theo hướng dẫn tại văn bản này.

3. Hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong văn bản này bao gồm: Dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn đầu tư công, hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (Nghị định số 73/2019/NĐ-CP).

## **II. NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG VĂN BẢN**

1. Đối với hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin thuộc chương trình, đề án, kế hoạch đã có văn bản quy định, hướng dẫn riêng về lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí thì thực hiện theo quy định tại văn bản hướng dẫn đó; trường hợp không có quy định riêng thì thực hiện theo các hướng dẫn tại văn bản này.

2. Trường hợp các định mức trong lĩnh vực quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành không đáp ứng yêu cầu đặc thù, chuyên ngành của bộ, ngành, địa phương, thì căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, trên cơ sở phương pháp lập định mức theo quy định tại Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT,

các Bộ quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức xác định hoặc thuê tổ chức, cá nhân để xác định, điều chỉnh, thẩm tra làm cơ sở ban hành định mức đặc thù, chuyên ngành của ngành, địa phương mình sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một nội dung chi, định mức, đơn giá, mức chi thì áp dụng theo nguyên tắc quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện.

4. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi được dẫn chiếu tại văn bản này có văn bản mới sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

### **III. NỘI DUNG CHI**

1. Nội dung chi đối với dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn đầu tư công và kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước (trường hợp đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP) bao gồm các chi phí thành phần theo quy định tại Điều 19 và Điều 28 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.

2. Nội dung chi đối với hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước

2.1. Trường hợp đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, bao gồm các chi phí:

a) Chi mua sắm, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu:

- Mua sắm dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng thuộc hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện có.

- Mua sắm thiết bị không cần lắp đặt, phần mềm thương mại.

- Thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu có mức kinh phí từ 200 triệu đồng trở xuống.

b) Chi bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm (bảo đảm thực hiện các công việc theo quy định tại Phụ lục III Thông tư số 24/2020/TT-BTTTT ngày 09/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về công tác triển khai, giám sát công tác triển khai và nghiệm thu dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước).

c) Chi quản lý, vận hành, thuê quản trị, hỗ trợ kỹ thuật hệ thống thông tin (bảo đảm thực hiện các công việc theo quy định tại Phụ lục III Thông tư số 24/2020/TT-BTTTT ngày 09/9/2020), dịch vụ an ninh mạng, an toàn thông tin

(chi dịch vụ kiểm tra đánh giá an toàn thông tin, chi dịch vụ giám sát an toàn thông tin, dịch vụ ứng cứu sự cố an toàn thông tin).

d) Chi tạo lập, duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu, gồm: Chuẩn hóa dữ liệu; tạo lập dữ liệu ban đầu; cập nhật dữ liệu, thông tin mới (mua nội dung thông tin, tạo lập và chuyển đổi thông tin, số hoá thông tin).

đ) Chi bảo đảm hoạt động cho cổng/trang thông tin điện tử theo quy định của Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, gồm:

- Mua nội dung thông tin, tạo lập và chuyển đổi thông tin, số hoá thông tin cho cổng/trang thông tin điện tử.

- Chi bảo đảm nhân lực cho cổng/trang thông tin điện tử gồm: Nhân lực biên tập, nhân lực quản trị kỹ thuật.

- Chi bảo trì, bảo dưỡng cổng/trang thông tin điện tử: Thuộc mục chi bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm.

- Chi nâng cấp, chỉnh sửa cổng/trang thông tin điện tử: Thuộc mục chi mua sắm, nâng cấp phần mềm.

e) Chi các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin để khắc phục ngay hoặc xử lý kịp thời hậu quả gây ra do sự cố thiên tai, hỏa hoạn hoặc thực thi nhiệm vụ giải quyết sự cố theo yêu cầu của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc yêu cầu nghiệp vụ quy định tại văn bản quy phạm pháp luật.

2.2. Trường hợp lập đề cương và dự toán chi tiết đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, bao gồm các chi phí thành phần theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

3. Nội dung chi đối với hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước

3.1. Trường hợp dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có trên thị trường theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP như: Chi quản lý, vận hành, bảo trì, duy trì hệ thống thông tin, hệ thống hạ tầng kỹ thuật; chi trang bị, gia hạn các bản quyền phần mềm; dịch vụ hạ tầng kỹ thuật và an ninh, an toàn thông tin; thuê đường truyền; duy trì tên miền; thuê hosting; thuê chỗ đặt máy chủ; thuê phần cứng máy chủ; thuê máy chủ ảo; thuê máy chủ; thuê tủ rack; thuê lưu trữ; ...

3.2. Trường hợp dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, bao gồm các chi phí thành phần theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.

**IV. ĐỊNH MỨC CHI ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG VÀ KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (TRƯỜNG HỢP ĐẢM BẢO ĐIỀU KIỆN THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 51 NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2019/NĐ-CP)**

1. Việc lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020.

2. Chi phí xây lắp

2.1. Chi phí lắp đặt mạng, phụ kiện mạng công nghệ thông tin: Thực hiện theo Quyết định số 1601/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong ứng dụng công nghệ thông tin để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, sử dụng trong công tác lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và Quyết định số 1235/QĐ-BTTTT ngày 04/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1601/QĐ-BTTTT.

2.2. Chi mua sắm vật tư, vật liệu, phụ kiện mạng: Được xác định trên cơ sở báo giá của nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng (quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020).

3. Chi phí thiết bị

3.1. Chi phí mua sắm thiết bị công nghệ thông tin: Được xác định trên cơ sở báo giá của nhà cung cấp, nhà sản xuất đảm bảo đáp ứng yêu cầu cung cấp thiết bị cho dự án hoặc giá những thiết bị tương tự về công suất, công nghệ trên thị trường tại thời điểm tính toán hoặc thiết bị tương tự của dự án đã và đang thực hiện (quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020).

3.2. Chi phí xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ: Được xác định theo phương pháp so sánh hoặc phương pháp chuyên gia hoặc phương pháp tính chi phí hoặc theo báo giá thị trường hoặc kết hợp các phương pháp.

a) Phương pháp so sánh, phương pháp chuyên gia, theo báo giá thị trường, kết hợp các phương pháp thực hiện theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020.

b) Phương pháp tính chi phí thực hiện theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 và Công văn số 2589/BTTTT-UDCNTT ngày 24/8/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn xác định chi phí phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ.

c) Các phần mềm nội bộ được phát triển dựa trên công nghệ mới (AI, Blockchain, thực tế ảo, thực tế tăng cường, ...) nếu áp dụng hướng dẫn tại Công văn số 2589/BTTTT-UDCNTT ngày 24/8/2011 gặp khó khăn, vướng mắc, không xác định được chi phí phần mềm nội bộ thì sử dụng phương pháp so sánh hoặc phương pháp chuyên gia hoặc theo báo giá thị trường hoặc kết hợp các phương pháp.

3.3. Chi phí tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa, chuyển đổi phục vụ cho nhập dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu: Thực hiện theo Quyết định số 1595/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức tạo lập cơ sở dữ liệu trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin.

3.4. Chi phí lắp đặt thiết bị; cài đặt phần mềm; kiểm tra, hiệu chỉnh thiết bị và phần mềm: Thực hiện theo Quyết định số 1601/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 và Quyết định số 1235/QĐ-BTTTT ngày 04/9/2014.

3.5. Chi phí đào tạo hướng dẫn sử dụng; chi phí đào tạo cho cán bộ quản trị, vận hành hệ thống (nếu có): Thực hiện theo Quyết định số 2331/QĐ-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động chuyển giao ứng dụng công nghệ thông tin.

Đối với hạng mục đào tạo chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC.

3.6. Chi phí triển khai, hỗ trợ, quản trị, vận hành sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án trước khi nghiệm thu bàn giao (nếu có): Được xác định bằng cách lập dự toán theo quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020.

#### 4. Chi phí quản lý dự án và giám sát, đánh giá đầu tư

4.1. Định mức chi phí quản lý dự án: Thực hiện theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền

thông về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

4.2. Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí quản lý dự án: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2021/TT-BTC ngày 08/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công.

4.3. Chi phí giám sát, đánh giá đầu tư: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

## 5. Chi phí tư vấn đầu tư

5.1. Chi phí tư vấn đầu tư: Thực hiện theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019.

5.2. Đối với các công việc thuê tư vấn chưa có định mức công bố tại Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 như: Chi phí khảo sát; lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; điều tra, nghiên cứu phục vụ lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế-kỹ thuật, tuyển chọn giải pháp; điều chỉnh, bổ sung thiết kế chi tiết; điều chỉnh dự toán; lập định mức, đơn giá; kiểm tra chất lượng vật liệu, thiết bị; đánh giá chất lượng sản phẩm; quy đổi vốn đầu tư và các công việc tư vấn khác thì lập dự toán theo quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 để xác định chi phí hoặc vận dụng mức chi phí của các dự án tương tự đã thực hiện.

## 6. Chi phí khác

6.1. Phí thẩm định dự án: Thực hiện theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

6.2. Chi phí kiểm toán độc lập; thẩm tra, phê duyệt quyết toán: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

6.3. Chi phí kiểm thử chất lượng phần mềm: Thực hiện theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 và Công văn số 3787/BTTTT-THH ngày 26/12/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn phương pháp xác định chi phí kiểm thử chất lượng phần mềm.

6.4. Chi phí lắp đặt và thuê đường truyền; lệ phí đăng ký và duy trì tên miền; chi phí thẩm định giá: Được xác định trên cơ sở báo giá của nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng.

7. Chi phí dự phòng: Thực hiện Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020.

#### 8. Chi nhân công, chuyên gia

8.1. Chi thuê chuyên gia tư vấn trong nước: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

8.2. Chi thuê chuyên gia tư vấn nước ngoài: Căn cứ vào mức độ cần thiết triển khai các hoạt động và dự toán kinh phí được duyệt, Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan Trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định việc thuê chuyên gia tư vấn nước ngoài. Mức chi thực hiện theo hợp đồng thực tế thoả thuận với chuyên gia theo yêu cầu chất lượng, số lượng và thời gian thực hiện công việc.

8.3. Chi nhân công trong nước: Thực hiện theo Quyết định số 129/QĐ-BTTTT ngày 03/2/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

9. Chi phí lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; chi phí đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (trường hợp chủ đầu tư, bên mời thầu trực tiếp thực hiện): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

10. Chi phí triển khai áp dụng phần mềm nguồn mở: Thực hiện theo Quyết định số 1872/QĐ-BTTTT ngày 14/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức kinh tế - kỹ thuật triển khai áp dụng phần mềm nguồn mở.

### **V. ĐỊNH MỨC CHI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN SỬ DỤNG KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

1. Chi mua sắm để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu có mức kinh phí trên 200 triệu đồng đến 15 tỷ đồng: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020.



1.1. Chi phí xây lắp, chi phí thiết bị: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 2, 3 Mục IV Phụ lục này.

1.2. Chi phí quản lý: Thực hiện theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019.

1.3. Chi phí tư vấn

a) Chi phí lập đề cương và dự toán chi tiết; thẩm tra đề cương và dự toán chi tiết; lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu xây lắp, mua sắm thiết bị; giám sát công tác triển khai: Thực hiện theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019.

b) Chi phí đối với các công việc tư vấn khác: Căn cứ Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 để xác định chi phí hoặc vận dụng mức chi phí của các nhiệm vụ tương tự đã thực hiện.

1.4. Chi phí khác: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 6.3, 6.4 Mục IV Phụ lục này.

1.5. Chi phí dự phòng: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020.

1.6. Chi phí nhân công, chuyên gia; chi phí lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, chi phí đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (trường hợp chủ đầu tư, bên mời thầu trực tiếp thực hiện); chi phí triển khai áp dụng phần mềm nguồn mở: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 8, 9, 10 Mục IV Phụ lục này.

2. Chi mua sắm theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP

2.1. Chi mua sắm dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng thuộc hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện có; mua sắm thiết bị không cần lắp đặt, phần mềm thương mại; thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu có mức kinh phí từ 200 triệu đồng trở xuống: Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

2.2. Chi bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 40 Nghị định số 73/2029/NĐ-CP, khoản 7 Điều 1 Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022.

2.3. Chi quản lý vận hành, thuê quản trị, hỗ trợ kỹ thuật hệ thống thông tin, dịch vụ an ninh mạng, an toàn thông tin: Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 hoặc lập dự toán theo quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020.

Chi phí thực hiện công tác ứng cứu sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 121/2018/TT-BTC ngày 12/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí để thực hiện công tác ứng cứu sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng.

2.4. Chi tạo lập thông tin điện tử trên mạng máy tính; tạo lập và chuyển đổi thông tin; số hoá thông tin

a) Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và năng lực đội ngũ cán bộ của bộ phận chuyên trách (hoặc kiêm nhiệm) công nghệ thông tin, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ này như là nhiệm vụ chuyên môn thường xuyên. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức khi làm thêm giờ để thực hiện các nhiệm vụ này được thanh toán tiền lương làm thêm giờ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

b) Trường hợp vượt quá khả năng thực hiện, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định việc thuê tổ chức, cá nhân bên ngoài để thực hiện. Việc thanh toán thực hiện theo hợp đồng và hoá đơn chứng từ, bảo đảm tuân thủ quy định về mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ.

c) Việc thuê tổ chức, cá nhân bên ngoài thực hiện những công việc tạo lập thông tin điện tử trên mạng máy tính, tạo lập và chuyển đổi thông tin hoặc số hoá thông tin thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

Đối với chi chuẩn hóa dữ liệu: tham khảo theo Quyết định số 1595/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011.

## 2.5. Chế độ nhuận bút chi trả cho tin, bài (nội dung thông tin)

a) Tin, bài được đăng tải trên công/trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước (không phải là báo điện tử): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/03/2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.

b) Tin, bài được đăng trên báo in, báo điện tử: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử.

## **VI. ĐỊNH MỨC CHI ĐỐI VỚI LẬP DỰ TOÁN THUÊ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN SỬ DỤNG KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

1. Chi cho các nhiệm vụ thuê dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có trên thị trường: thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 2.1 Mục V Phụ lục này.

2. Chi cho các nhiệm vụ thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường

2.1. Việc lập dự toán thuê dịch vụ công nghệ thông tin được thực hiện theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP

a) Chi phí thuê dịch vụ:

- Chi phí thuê dịch vụ được xác định bằng một trong các phương pháp sau: Phương pháp so sánh; phương pháp chuyên gia; phương pháp lấy báo giá thị trường; phương pháp tính chi phí; kết hợp các phương pháp.

- Phương pháp tính chi phí thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 2.2 Mục này.

b) Chi phí quản lý: Thực hiện theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019.

c) Chi phí tư vấn:

- Chi phí tư vấn lập kế hoạch thuê; tư vấn thẩm tra kế hoạch thuê; tư vấn giám sát thực hiện (nếu có): Thực hiện theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019.

- Chi phí đối với các công việc tư vấn khác: Lập dự toán theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019.

d) Chi phí khác:

- Chi phí kiểm thử chất lượng phần mềm; thẩm định giá: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 6.3, 6.4 Mục IV Phụ lục này.

2.2. Chi phí thuê dịch vụ trong trường hợp được xác định theo phương pháp tính chi phí: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2020/TT-BTTTT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn xác định chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo phương pháp tính chi phí. Một số chi phí được hướng dẫn cụ thể như sau:

a) Chi phí dịch vụ:

- Chi phí xây dựng, phát triển hình thành dịch vụ: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 2, điểm 3.1, 3.2, 3.4 Mục IV Phụ lục này.

- Giá trị còn lại của tài sản cấu thành dịch vụ của bên cho thuê tại thời điểm kết thúc thời gian thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng sau khi trích khấu hao theo quy định (S): Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

b) Chi phí bảo trì dịch vụ: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 2.2 Mục V Phụ lục này.

c) Chi phí quản trị, vận hành dịch vụ: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 2.3 Mục V Phụ lục này.

d) Chi phí khác liên quan đến cung cấp dịch vụ:

- Chi phí tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa, chuyển đổi phục vụ cho nhập dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 3.3 Mục IV Phụ lục này.

- Chi phí đào tạo hướng dẫn sử dụng; chi phí đào tạo cho cán bộ quản trị, vận hành hệ thống: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 3.5 Mục IV Phụ lục này.

- Chi phí lắp đặt và thuê đường truyền; chi phí đăng ký và duy trì tên miền; chi phí thuê hosting; chi phí thuê chỗ đặt máy chủ; chi phí thuê lưu trữ; chi phí tin nhắn thông báo; chi phí tổng đài hỗ trợ: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 6.4 Mục IV Phụ lục này.

2.3. Chi phí nhân công, chuyên gia; chi phí lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, chi phí đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (trường hợp chủ đầu tư, bên mời thầu trực tiếp thực hiện);

chi phí triển khai áp dụng phần mềm nguồn mở: Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 8, 9, 10 Mục IV Phụ lục này.

## VII. CÁC VÍ DỤ

Ví dụ số 1	Tổng dự toán dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin
Ví dụ số 2	Dự toán chi phí xây lắp
Ví dụ số 3	Dự toán chi phí xây dựng phần mềm nội bộ
Ví dụ số 4	Dự toán chi phí tạo lập cơ sở dữ liệu
Ví dụ số 5	Dự toán chi phí chuyển giao phần mềm
Ví dụ số 6	Dự toán chi phí khảo sát để lập báo cáo nghiên cứu khả thi
Ví dụ số 7	Dự toán chi phí kiểm thử phần mềm nội bộ
Ví dụ số 8	Dự toán chi phí dịch vụ quản trị, vận hành
Ví dụ số 9	Dự toán chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo yêu cầu riêng

*Ghi chú: Các thông tin trong ví dụ chỉ để minh họa, mang tính chất tham khảo.*